

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 199/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa số 46/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn P, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, theo đơn xin ly hôn và bản tự khai; chị C trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2008, chị C sống chung với anh P, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung chị C và anh P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; chị C và anh P đã ly thân, không còn sống chung. Tình cảm vợ chồng không còn, chị C yêu cầu ly hôn anh P.

Về con chung: chị C với anh P có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Ánh T, sinh ngày 30/7/2009; đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị C không yêu cầu gì khác.

*** *Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị C. Cho chị C được ly hôn anh P.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị C. Giao cháu Nguyễn Ngọc Ánh T cho chị C trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nên xem xét, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng quy định của pháp luật, nhưng anh P vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C và anh P theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2008, chị C sống chung với anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống; chị C đã ly thân anh P, hiện nay không còn sống chung. Xét tình cảm giữa chị C và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị C yêu cầu ly hôn anh P là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh P vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ anh P không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị C. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị C ly hôn anh P.

- Về con chung: Chị C và anh P 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Ánh T, sinh ngày 30/7/2009; đang sống chung với chị C. Chị C yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu T. Xét cháu T đang sống chung với chị C; đồng thời cháu T có nguyện vọng sống chung với chị C sau khi chị C ly hôn anh P. Do đó, chị C yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Truyết là phù hợp với quy định tại

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; nên giao cháu T cho chị C tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; anh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn P.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Ánh T, sinh ngày 30/7/2009 cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.
 Anh Nguyễn Văn P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0017332 ngày 14/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị C đã nộp xong án phí.

+ Anh P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C và anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;

- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu